

Vietnam Daily Review

Giằng co quanh ngưỡng 1380 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 25/6/2021		•	
Tuần 21/6-25/6/2021		•	
Tháng 6/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index giằng co quanh ngưỡng 1380 điểm trong cả phiên giao dịch. Dòng tiền đầu vẫn ở mức thấp khi chỉ có 6/19 ngành vận động khả quan. Trong khi đó, khối ngoại mua ròng trên sàn HSX trong khi bán ròng tại HNX. Đồng thời, độ rộng thị trường duy trì trạng thái tiêu cực với thanh khoản tiếp tục suy giảm. Các yếu tố trên cho thấy các nhà đầu tư đang giao dịch khá thận trọng khi thị trường đang giằng co tại vùng tâm lý 1380 điểm. Với xu hướng giao dịch giằng co cùng sự suy yếu của thanh khoản, VN-Index có thể tiếp duy trì xu hướng vận động ngắn hạn trong vùng 1360-1380 điểm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 24/6/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.

Phân tích kỹ thuật: GVR_Bứt phá (Trang 3)

Cập nhật VRE (Trang 6)

Điểm nhấn

- VN-Index **+2.85 điểm**, đóng cửa **1379.72**. HNX-Index **-0.72 điểm**, đóng cửa **315.08**.
- Kéo chỉ số tăng: **GVR (+1.41); VCB (+1.00); GAS (+0.99); NVL (+0.88); VHM (+0.73)**.
- Kéo chỉ số giảm: **HPG (-0.97); VNM (-0.74); STB (-0.38); VPB (-0.27); BID (-0.22)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **16,673 tỷ đồng, -16.01%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 18,484 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 14.72 điểm. Thị trường có **112** mã tăng, 53 mã tham chiếu và **274** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **182.67 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm **SSI (101.0 tỷ), VHM(83.4 tỷ) và VCB (69.9 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-5.11 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1379.72**
Giá trị: 16673.44 tỷ **2.85 (0.21%)**
Khối ngoại (ròng): 182.67 tỷ

HNX-INDEX **315.08**
Giá trị: 1999.92 tỷ **-0.72 (-0.23%)**
Khối ngoại (ròng): -5.11 tỷ

UPCOM-INDEX **89.68**
Giá trị: 871.82 tỷ **-0.36 (-0.4%)**
Khối ngoại (ròng): -2.84 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	73.6	0.66%
Giá vàng	1,781	0.12%
Tỷ giá USD/VND	23,010	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	27,461	0.03%
Tỷ giá JPY/VND	20,755	0.07%
LS liên NH 1 tháng	1.5%	5.13%
LS TPCP 5 năm	1.1%	-0.44%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SSI	101.0	MBB	-69.1
VHM	83.4	VPB	-63.3
VCB	69.9	CTG	-60.5
DXG	58.6	VIC	-36.2
GAS	57.2	HSG	-29.7
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cập nhật VRE	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 24/6

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	73.55	0.64%	3.90%	11.80%	82.23%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	75.72	0.70%	3.60%	10.60%	69.21%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	227.43	0.33%	6.60%	7.20%	80.21%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1781.99	0.19%	0.50%	-6.20%	-0.15%		PNJ
Bạc	USD/ounce	26.03	0.52%	0.50%	-7.00%	42.43%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1288.50	-0.90%	2.90%	-5.40%	48.36%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	658.25	-0.83%	2.40%	-1.10%	27.38%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.51	-0.54%	-1.80%	-9.10%	0.06%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	214.35	1.60%	0.40%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	16.90	-0.65%	1.10%	-0.50%	40.72%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	153.05	-0.55%	1.00%	1.40%	44.11%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9482.50	1.95%	-1.90%	-4.00%	61.68%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	768.67	1.54%	-1.90%	-0.40%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	802.81	1.12%	-2.50%	-3.00%			
Nhôm	USD/ton	2439.50	0.60%	-1.20%	2.90%	54.79%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	180.81	1.40%	-3.20%	9.70%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	126.25	0.92%	3.40%	18.30%	94.23%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 8 tăng 38 US cent, tương đương 0,5%, lên 75,9 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI tăng 23 US cent (0,3%) lên 73,08 USD.
- Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ cho biết tồn trữ dầu thô của nước này trong tuần vừa qua đã giảm 7,6 triệu thùng xuống 459,1 triệu thùng, nhiều gấp đôi mức giảm 3,9 triệu thùng theo dự đoán của các nhà phân tích. Các kho dự trữ dầu tại Cushing, Oklahoma, điểm giao nhận dầu thô kỳ hạn của Mỹ, giảm 1,8 triệu thùng xuống mức thấp nhất kể từ tháng 3/2020. Nhu cầu xăng cũng tăng mạnh trong tuần trước.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0,3% lên 1.782,96 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 8 tăng 0,3% lên 1.783,40 USD.
- Phát biểu của chủ tịch FED hôm 22/6 xoa dịu nỗi lo của các nhà đầu tư về việc Fed sẽ sớm thắt chặt chính sách tiền tệ.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Đại Liên tăng 4,0% lên 1.173 nhân dân tệ/tấn.
- Thép thanh kỳ hạn tháng 10 tăng 1,4% lên 4.934 nhân dân tệ/tấn. Thép cuộn cán nóng tăng 0,7% lên 5.153 nhân dân tệ/tấn.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 11 trên sàn Osaka tăng 24 yên, tương đương 1%, lên 234,1 yên/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 9 trên sàn Thượng Hải tăng 2,3% lên 12,935 nhân dân tệ/tấn.

Giá nông sản

- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn ICE tăng 1,8%, tương đương 1,2%, lên 1,539 USD/lb. Giá cà phê robusta kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn London tăng 26 USD, tương đương 1,6% lên 1.623 USD/tấn.
- Lượng cà phê lưu ở các kho trên sàn ICE bắt đầu giảm, hiện chỉ còn 152.650 tấn, so với 157.000 vào ngày 1/6.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 7/2021 trên sàn ICE tăng 0,26 cent, tương đương 1,6%, lên 16,69 cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 8/2021 trên sàn London tăng 4,90 USD, tương đương 1,2%, lên 423,60 USD/tấn.

	24/6	% 24/6	23/6	% 23/6	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1379.72	0.21%	1376.87	-0.22%	1.46%	5.44%
S&P 500			4241.84	-0.11%	0.43%	2.07%
HĐTL S&P500	4249.00	0.42%	4231.40	-0.11%	0.87%	1.56%
Shang- hai	3566.65	0.01%	3566.22	0.25%	1.16%	1.98%
Euro Stoxx	4105.12	0.72%	4075.94	-1.14%	-1.28%	1.71%

Phân tích kỹ thuật
GVR_Bứt phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Ở trong vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: GVR đang ở trong trạng thái tiếp tục tăng giá từ cuối tháng 4 cho đến nay. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây vẫn giữ giá trị ổn định. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Mặc dù vậy, chỉ báo động lượng RSI hiện đã đi vào vùng quá mua nên cổ phiếu tiềm năng sẽ xuất hiện nhịp đi ngang trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của GVR nằm tại khu vực xung quanh 33. Mục tiêu chốt lời của cổ phiếu nằm tại mức 44, cắt lỗ nếu ngưỡng 30.9 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

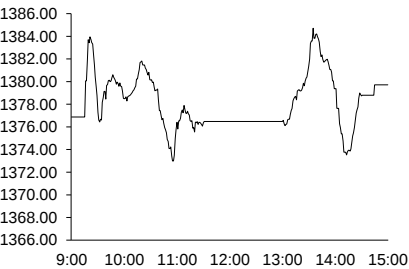
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Hóa chất	2.51%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.22%
Bất động sản	0.73%
Du lịch và Giải trí	0.28%
Ngân hàng	0.21%
Y tế	0.02%
Viễn thông	0.00%
Bán lẻ	-0.08%
Công nghệ Thông tin	-0.13%
Dịch vụ tài chính	-0.14%
Ô tô và phụ tùng	-0.18%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.33%
Xây dựng và Vật liệu	-0.51%
Thực phẩm và đồ uống	-0.68%
Dầu khí	-1.05%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.31%
Bảo hiểm	-1.33%
Tài nguyên Cơ bản	-1.34%
Truyền thông	-1.66%

Hình 1

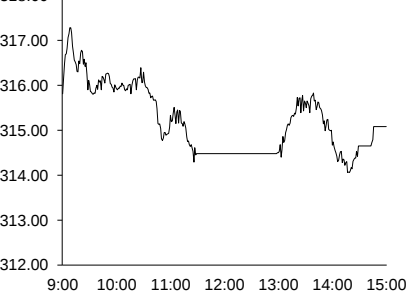
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

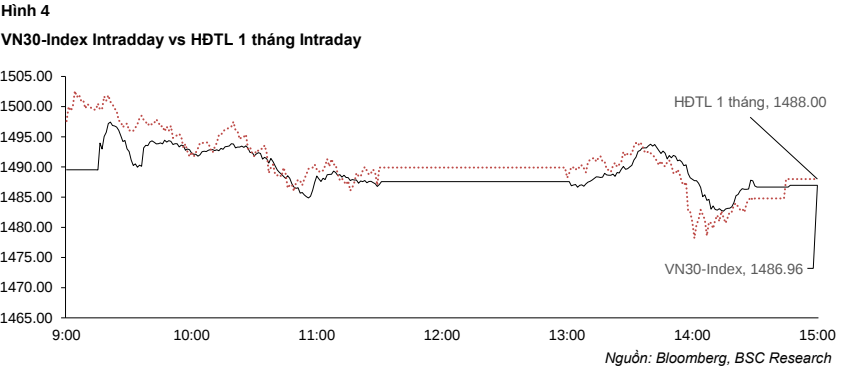
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
6/23/2021	CTD	65.4	72	58.5	65.5	1	0.15%	Có thể tiếp tục mua
6/22/2021	HII	21.8	24	21	21.7	2	-0.46%	Có thể tiếp tục mua
6/21/2021	POW	12.5	14	11.3	12.15	3	-2.80%	Có thể tiếp tục mua
6/18/2021	PLP	10.25	12.5	9.5	9.88	6	-3.61%	Có thể tiếp tục mua
6/17/2021	HBC	16.4	18.5	15.3	16.1	7	-1.83%	Có thể tiếp tục mua
6/16/2021	GEG	17.2	19.5	16	17.3	8	0.58%	Có thể tiếp tục mua
6/15/2021	BMP	60.5	67	58.5	59.3	9	-1.98%	Có thể tiếp tục mua
6/14/2021	FRT	27.1	32	25	26.65	10	-1.66%	Có thể tiếp tục mua
6/11/2021	BVH	57.3	63.5	54.5	58	13	1.22%	Có thể tiếp tục mua
6/10/2021	ASM	14.2	16	12.75	13.95	14	-1.76%	Có thể tiếp tục mua
6/9/2021	LCG	13.1	14.5	12.25	13.15	15	0.38%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/4/2021	KBC	35.5	43	32	38.6	20	8.73%	Có thể tiếp tục mua
6/3/2021	KSB	28.85	32.5	27	29.15	21	1.04%	Có thể tiếp tục mua
6/2/2021	CEO	10.4	12.5	9.5	10.3	22	-0.96%	Có thể tiếp tục mua
5/31/2021	PC1	27.6	32.5	23.5	26.7	24	-3.26%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/28/2021	IDC	37.4	41.5	35.5	36.4	27	-2.67%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/20/2021	REE	58.4	63.4	52	56.4	35	-3.42%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/28/2021	PAC	35.5	39.5	30.5	37.6	57	5.92%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
6/8/2021	SBT	21.2	23.5	20	TP	10	10.85%
6/7/2021	D2D	54.3	60	52	SL	3	-4.24%
6/1/2021	PLC	26.8	29.5	25.8	TP	6	10.07%
5/27/2021	LAS	11.4	13	10.4	TP	22	14.04%
5/26/2021	FMC	33.45	37	32.15	SL	7	-3.89%
5/25/2021	CTS	17.25	20	16.5	TP	7	15.94%
5/24/2021	VTP	90.8	100	86.3	TP	15	10.13%
5/21/2021	DXG	24.35	29	22.5	TP	13	19.10%
5/19/2021	DRC	25.83	31.37	24.72	TP	30	21.45%
5/18/2021	FLC	12.45	14	10	TP	17	12.45%
5/17/2021	VSC	51	57	48	TP	25	11.76%
5/14/2021	SHS	30.1	33.5	26.8	TP	6	11.30%
5/13/2021	ANV	23.05	28.5	21.8	TP	25	23.64%
5/12/2021	SSI	34.8	43.5	32.7	TP	19	25.00%
5/11/2021	MBS	25.7	35	22.5	SL	6	-12.45%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	7	11	2.58%	-2.22%	-0.36%	16
Cổ phiếu đã chốt	157	86	13.71%	-8.12%	5.98%	27

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2107	1488.00	-0.16%	1.04	-1.1%	204,908	7/15/2021	21
VN30F2108	1481.60	-0.20%	-5.36	21.8%	452	8/19/2021	56
VN30F2109	1478.10	-0.22%	-8.86	9.6%	57	9/16/2021	84
VN30F2112	1476.10	-0.33%	-10.86	-39.7%	44	12/16/2021	175

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm −2.57 điểm, xuống 1486.96 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, VNM, STB, VPB, TCB tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 1485-1495 điểm. VN30 có thể tiếp tục vận động tích lũy trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2107 và VN30F2108 đang tăng, trong khi VN30F2109 và VN30F2112 đang giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CPDR2101	9/27/2021	95	5:1	319,600	37.58%	1,100	3,900	6.56%	1,198	3.26	94,388	88,888	89,000
CPDR2102	9/27/2021	95	5:1	134,900	37.58%	1,100	4,460	5.94%	1,463	3.05	94,499	88,999	89,000
CNVL2102	9/27/2021	95	16:1	468,300	32.65%	1,100	3,600	4.96%	216	16.66	107,608	94,636	115,000
CMWG2104	3/22/2022	271	10:1	122,400	29.00%	2,400	6,800	4.62%	2,154	3.16	159,000	135,000	144,000
CVHM2104	8/9/2021	46	10:1	284,400	31.69%	1,600	3,000	3.09%	1,528	1.96	114,000	98,000	112,100
CVHM2102	7/6/2021	12	10:1	274,200	31.69%	1,900	2,500	1.21%	2,524	0.99	106,000	87,000	112,100
CVPB2103	8/9/2021	46	2:1	211,900	37.51%	2,700	16,330	0.80%	16,159	1.01	41,900	36,500	68,600
CVPB2015	7/30/2021	36	1:1	14,500	37.51%	5,600	43,250	0.58%	42,722	1.01	31,600	26,000	68,600
CTCB2012	7/30/2021	36	1:1	27,000	37.53%	5,400	29,310	-0.17%	29,003	1.01	27,400	22,000	50,900
CHPG2105	8/9/2021	46	2:1	72,200	36.32%	3,000	15,930	-1.30%	4,514	3.53	48,000	42,000	50,600
CTCH2003	8/16/2021	53	4:1	322,400	44.16%	1,600	1,780	-1.66%	211	8.44	29,653	23,410	22,150
CMBB2101	7/6/2021	12	2:1	123,800	36.55%	1,600	7,620	-2.06%	8,020	0.95	29,200	26,000	42,000
CHPG2103	7/6/2021	12	2:1	46,400	36.32%	3,900	13,200	-2.22%	4,334	3.05	36,614	30,879	50,600
CKDH2102	8/13/2021	50	2:1	138,200	32.60%	2,800	5,000	-2.34%	2,740	1.82	33,364	28,273	36,200
CTCB2102	7/6/2021	12	2:1	92,500	37.53%	2,300	7,220	-2.43%	7,478	0.97	40,600	36,000	50,900
CTCB2103	8/9/2021	46	2:1	126,400	37.53%	2,900	9,030	-2.69%	7,808	1.16	41,300	35,500	50,900
CHPG2107	8/12/2021	49	5:1	111,000	36.32%	1,300	4,990	-3.29%	90	55.67	48,463	43,684	50,600
CHPG2108	8/12/2021	49	5:1	226,700	36.32%	1,200	4,880	-3.56%	88	55.64	48,124	43,713	50,600
CFPT2101	7/5/2021	11	6:1	252,900	30.33%	1,500	3,740	-5.08%	1,719	2.18	71,867	64,121	84,700
CHPG2106	8/27/2021	64	2:1	108,400	36.32%	4,100	12,000	-9.23%	1,734	6.92	42,937	36,908	50,600
Tổng				3,158,500	35.51%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
				**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 24/6/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.
- CVNM2104 và CHPG2106 giảm mạnh lần lượt là -16.35% và -9.23%. Giá trị giao dịch giảm -16.94%. CVPB2103 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.97% thị trường.
- CMBB2101, CVPB2101, CTCB2102, CVHM2102 và CVPB2103 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CVPB2015, và CHPG2020 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVPB2015, CTCB2012, và CHPG2020 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi

CTCP VINCOM RETAIL (Trung lập) – Giá mục tiêu: 32,100 VND - Cập nhật ĐHCĐ 2021

Mã cổ phiếu: VRE (HSX), Vốn hóa: VND 71,578 tỷ, Số lượng cổ phiếu lưu hành: 2,272.3 triệu cổ phiếu, Giá thị trường: 31,500 VND, Sở hữu nước ngoài: 30.66%

Chuyên viên phân tích: Nguyễn Thị Kiều Hạnh

(1) Kết quả kinh doanh 2020 chỉ tương ứng hoàn thành 84% và 95% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của năm do ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh Covid-19 đã làm chậm kế hoạch khai trương các TTTM mới trong năm và phát sinh chi phí 865 tỷ hỗ trợ khách thuê trong năm. Công ty giữ lại toàn bộ lợi nhuận năm 2020 để phục vụ hoạt động đầu tư

(2) Kế hoạch kinh doanh 2021 với doanh thu 9,000 tỷ (+8.1% YoY), LNST 2,500 tỷ (+5% YoY). Đối với mảng cho thuê mặt bằng bán lẻ, công ty dự kiến đưa vào vận hành VMM Smart City trong Q3/2021 và 2 VCP tại Mỹ Tho và Bạc Liêu, nâng tổng diện tích sàn bán lẻ thêm gần 100,000 m2.

• Kết quả kinh doanh Q1/2021 tăng trưởng mạnh từ mặt bằng thấp của năm 2020 với doanh thu 2,226 tỷ (+32.1% YoY), LNST 781 tỷ (+59% YoY) tương ứng hoàn thành 24.7% và 31% kế hoạch năm với sự đóng góp đáng kể từ hạch toán chuyển nhượng bất động sản.

• Công ty cho biết trong thời dịch bệnh vừa qua, công ty tiếp tục hỗ trợ tiền thuê và phí dịch vụ cho các khách hàng bị ảnh hưởng tùy ngành hàng và mức độ; đồng thời đàm phán với một số hãng vận chuyển để một số gian hàng có thể bán online với chi phí vận chuyển rẻ hơn 3-5%. Trong thời gian tới, công ty sẽ tiếp tục có những hỗ trợ với khách thuê tùy tình hình và mức độ ảnh hưởng, đồng thời sẽ tiếp tục các hoạt động marketing và kích cầu mua sắm.

(3) Định hướng phát triển các diện tích bán lẻ mới của VRE đến năm 2026 đặt trọng tâm lớn hơn vào loại hình Vincom Mega Mall (VMM) trong các đại đô thị của Vingroup tại với 27/49 TTTM dự kiến phát triển mới, đóng góp trên 80% diện tích bán lẻ GFA tăng thêm. BSC đánh giá sự thay đổi chiến lược này phù hợp trong bối cảnh hậu dịch bệnh khi sức cầu của dân cư bị ảnh hưởng, và sẽ tăng khả năng triển khai kế hoạch mở rộng hàng năm của VRE (bình quân 450-550 nghìn m2 GFA/năm đến 2026). Tuy nhiên, doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản (shophouse) sẽ giảm do không có quỹ đất để triển khai (Tỷ trọng doanh thu chuyển nhượng bất động sản theo kế hoạch đóng góp 13-15% doanh thu 2021, giảm so với bình quân 25% trong giai đoạn trước).

(4) Dự báo KQKD 2021: BSC điều chỉnh giảm dự báo kết quả kinh doanh của VRE so với cập nhật mới nhất sau earning call Q1/2021 do (1) giả định VRE sẽ tiếp tục hỗ trợ khách thuê khoảng 300-400 tỷ trong năm 2021 trước tình hình dịch bệnh bùng phát và (2) lùi thời gian khai trương giả định của VMM Smart City sang cuối Q3/2021. **Theo đó, doanh thu VRE năm 2021 dự báo đạt 9,064 tỷ đồng (+8.8% yoy), LNST 2,552 tỷ đồng (+7.2% YoY), tương đương với EPS = 1,123 đồng/CP, P/E fw = 28.4 lần.**

[Báo cáo phân tích gần nhất](#)

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	144.0	0.0%	0.9	2,977	2.5	9,051	15.9	4.0	49.0%	27.2%	
PNJ	Bán lẻ	98.1	-0.7%	1.0	970	0.8	4,974	19.7	3.9	49.0%	21.0%	
BVH	Bảo hiểm	58.0	-1.4%	1.5	1,872	3.2	2,548	22.8	2.1	27.1%	9.5%	
PVI	Bảo hiểm	40.0	-0.2%	0.5	389	0.0	3,809	10.5	1.3	54.9%	12.2%	
VIC	Bất động sản	117.5	0.5%	0.7	17,280	7.0	2,174	54.0	4.9	14.1%	9.0%	
VRE	Bất động sản	32.0	1.6%	1.1	3,161	4.3	1,175	27.2	2.4	30.6%	9.3%	
VHM	Bất động sản	112.1	0.7%	1.0	16,033	19.2	7,874	14.2	4.0	22.7%	33.6%	
DXG	Bất động sản	24.2	2.1%	1.3	545	7.5	(61)		1.9	25.5%	-0.5%	
SSI	Chứng khoán	50.2	0.6%	1.5	1,429	16.1	2,776	18.1	2.8	46.2%	16.2%	
VCI	Chứng khoán	51.3	-1.3%	1.0	743	3.6	2,851	18.0	3.5	22.7%	22.1%	
HCM	Chứng khoán	45.2	-2.0%	1.6	599	9.2	2,462	18.4	2.9	48.1%	16.4%	
FPT	Công nghệ	84.7	-0.2%	0.9	3,342	6.1	4,103	20.6	4.6	49.0%	23.6%	
FOX	Công nghệ	93.9	-0.5%	0.4	1,117	0.1	5,165	18.2	5.4	0.0%	30.0%	
GAS	Dầu khí	95.8	2.0%	1.4	7,972	5.6	3,946	24.3	3.6	2.6%	14.9%	
PLX	Dầu khí	56.0	-0.9%	1.5	3,028	6.3	2,915	19.2	3.0	17.2%	16.8%	
PVS	Dầu khí	29.5	-1.3%	1.7	613	10.9	1,375	21.4	1.1	7.9%	5.4%	
BSR	Dầu khí	20.9	-0.9%	0.8	2,817	11.2	(909)	N/A	N/A	2.1	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	96.0	0.4%	0.4	546	0.1	5,647	17.0	3.3	54.6%	20.2%	
DPM	Hóa chất	22.3	-0.7%	0.7	379	1.8	1,928	11.6	1.1	14.7%	9.4%	
DCM	Hóa chất	19.9	-1.2%	0.6	458	1.7	1,122	17.7	1.6	2.2%	9.4%	
VCB	Ngân hàng	110.7	0.9%	1.1	17,851	5.4	5,709	19.4	4.1	23.4%	22.8%	
BID	Ngân hàng	45.2	-0.4%	1.3	7,904	4.2	2,048	22.1	2.3	16.6%	10.6%	
CTG	Ngân hàng	53.4	1.3%	1.3	8,645	57.7	4,765	11.2	2.2	25.1%	20.9%	
VPB	Ngân hàng	68.6	-0.6%	1.2	7,322	40.1	4,626	14.8	3.0	15.4%	22.5%	
MBB	Ngân hàng	42.0	0.2%	1.2	5,111	41.3	3,612	11.6	2.3	21.1%	21.6%	
ACB	Ngân hàng	36.2	1.1%	1.0	4,253	18.1	3,194	11.3	2.6	30.0%	25.6%	
BMP	Nhựa	59.3	-0.7%	0.7	211	0.2	6,160	9.6	2.0	83.0%	20.3%	
NTP	Nhựa	51.7	-0.8%	0.5	265	0.1	3,988	13.0	2.2	19.4%	17.8%	
MSR	Tài nguyên	20.9	-4.1%	0.7	999	1.4	39	535.9	1.6	10.1%	0.3%	
HPG	Thép	50.6	-1.6%	1.1	9,840	44.4	4,056	12.5	3.4	26.5%	31.3%	
HSG	Thép	40.5	-1.6%	1.4	861	13.6	4,914	8.2	2.4	9.7%	35.0%	
VNM	Tiêu dùng	88.7	-1.4%	0.7	8,060	16.4	4,682	18.9	5.9	54.9%	31.9%	
SAB	Tiêu dùng	171.9	1.0%	0.8	4,793	1.1	7,561	22.7	5.6	62.8%	26.7%	
MSN	Tiêu dùng	106.5	-0.3%	0.9	5,466	3.5	1,281	83.1	7.7	32.9%	5.1%	
SBT	Tiêu dùng	21.4	-0.9%	1.2	574	2.5	1,131	18.9	1.7	8.8%	8.7%	
ACV	Vận tải	73.6	-0.4%	0.8	6,966	0.4	577	127.6	4.3	3.5%	3.4%	
VJC	Vận tải	115.5	0.3%	1.1	2,720	3.2	2,256		4.1	18.3%	8.3%	
HVN	Vận tải	27.2	-0.2%	1.7	1,674	0.9	(9,327)		26.7	9.1%	-155.4%	
GMD	Vận tải	42.4	-1.1%	1.0	556	3.1	1,246	34.0	2.1	41.1%	6.2%	
PVT	Vận tải	21.0	-2.8%	1.3	296	3.5	2,281	9.2	1.4	12.2%	15.5%	
VCS	Vật liệu xây dựng	103.3	-0.7%	1.0	719	1.6	8,479	12.2	3.9	3.9%	39.2%	
VGC	Vật liệu xây dựng	30.0	-0.2%	0.4	584	0.3	1,604	18.7	2.0	5.8%	10.9%	
HT1	Vật liệu xây dựng	16.3	-1.5%	0.9	270	0.6	1,566	10.4	1.1	2.8%	11.0%	
CTD	Xây dựng	65.5	0.2%	1.1	212	1.1	3,352	19.5	0.6	44.0%	3.0%	
CII	Xây dựng	19.3	-1.5%	0.5	200	1.7	56	346.9	1.0	22.4%	0.2%	
REE	Điện	56.4	-0.9%	-1.4	758	0.8	5,770	9.8	1.5	49.0%	16.3%	
PC1	Điện	26.7	-2.2%	-0.4	222	0.5	2,371	11.3	1.3	10.3%	13.2%	
POW	Điện	12.2	-1.2%	0.6	1,237	5.1	1,037	11.7	1.0	3.1%	8.6%	
NT2	Điện	20.9	0.0%	0.5	262	0.3	1,872	11.2	1.5	14.9%	12.8%	
KBC	Khu công nghiệp	38.6	0.8%	1.1	788	18.5	1,639	23.6	1.8	19.1%	7.8%	
BCM	Khu công nghiệp	54.6	0%	0.9	2,457	0.1			3.5	2.0%		

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GVR	34.80	3.88	1.41	5.82MLN
VCB	110.70	0.91	1.01	1.14MLN
GAS	95.80	2.02	0.99	1.36MLN
NVL	115.00	2.68	0.88	3.23MLN
VHM	112.10	0.72	0.73	3.94MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
HPG	0.00	-0.97	19.98MLN	1.11MLN
VNM	0.00	-0.74	4.23MLN	607060
STB	0.00	-0.38	21.75MLN	373600
VPB	0.00	-0.27	13.40MLN	192700
BID	0.00	-0.22	2.11MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TGG	7.39	6.95	0.00	315100.00
VOS	7.87	6.93	0.02	2.10MLN
TNT	8.80	6.93	0.00	263900
HID	5.25	6.92	0.01	1.35MLN
VTO	9.92	6.90	0.01	1.18MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NBB	29.30	-11.48	-0.10	146400
ILB	25.05	-8.07	-0.02	72400
SFG	10.10	-7.34	-0.01	56200.00
SJS	55.80	-7.00	-0.13	367700
IJC	32.05	-6.70	-0.14	11.67MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	27.00	0.37	0.22	12.66MLN
THD	199.40	0.20	0.15	708500.00
EVS	31.50	9.76	0.11	1.03MLN
DNP	23.00	4.07	0.08	2400.00
VFG	56.50	2.73	0.03	200

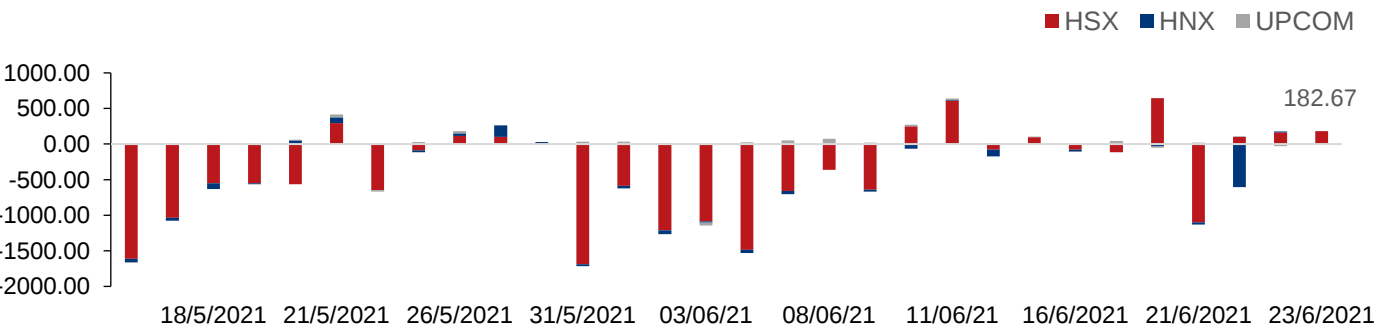
Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BAB	26.00	-0.76	-0.18	109900
IDC	36.40	-1.62	-0.14	2.75MLN
PVS	29.50	-1.34	-0.14	8.41MLN
VND	42.70	-0.47	-0.09	2.67MLN
PAN	27.20	-3.20	-0.08	1.70MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VDL	21.10	9.9	0.01	100
VC2	17.80	9.9	0.01	77100
BKC	5.60	9.8	0.00	6200
EVS	31.50	9.8	0.11	1.03MLN
VE3	9.00	9.8	0.00	155200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MDC	8.80	-11.11	-0.01	20100
THS	21.30	-9.75	-0.01	7100
VNC	29.80	-9.70	-0.02	1300
VE8	8.50	-9.57	0.00	300
MIM	6.30	-8.70	0.00	1400

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	36.2	3,194	11.3	2.6	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	73.6	577	127.6	4.3	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	10.3	600	17.2	0.9	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	10.3	-363		0.9	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	29.0	3,834	7.6	1.3	Click
6	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	53.4	4,765	11.2	2.2	Click
8	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	19.9	1122.1	17.7	1.6	Click
9	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	79.4	5,505	14.4	3.3	Click
10	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	121.9	7,653	15.9	4.1	Click
11	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	22.3	1,928	11.6	1.1	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	30.0	2,379	12.6	2.0	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	5/11/21	23.4	30.2	24.2	-61		1.9	Click
14	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	84.7	4,103	20.6	4.6	Click
15	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	34.8	1,091	31.9	2.9	Click
16	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	42.3	7,082	6.0	2.0	Click
17	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	50.6	4,056	12.5	3.4	Click
18	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	40.5	4,914	8.2	2.4	Click
19	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	16.3	1,566	10.4	1.1	Click
20	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	8.4	-1,032		0.8	Click
21	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	38.6	1,639	23.6	1.8	Click
22	KDH	Bất động sản	Mua	5/11/21	36.8	42.1	36.2	1,946	18.6	2.7	Click
23	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	29.5			2.1	Click
24	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	39.0	3,258	12.0	1.5	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	64.0	5,257	12.2	2.2	Click
26	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	106.5	1,281	83.1	7.7	Click
27	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	144.0	9,051	15.9	4.0	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	38.6	4,008	9.6	1.7	Click
29	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	26.9	2,120	12.7	1.7	Click
30	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	98.1	4,974	19.7	3.9	Click
31	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	12.2	1,037	11.7	1.0	Click
32	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	23.0	0	149.9	0.7	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	29.5	1,375	21.4	1.1	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	171.9	7,561	22.7	5.6	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	21.4	1,131	18.9	1.7	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	37.5	8272.5	4.5	1.3	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	50.9	4,074	12.5	2.3	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	110.7	5,709	19.4	4.1	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	48.9	4,166	11.7	2.6	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	19.1	570	33.5	1.5	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	25/5/21	39.4	47.0	44.8	3,837	11.7	1.5	Click
43	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	112.1	7,874	14.2	4.0	Click
44	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	88.7	4,682	18.9	5.9	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	68.6	4,626	14.8	3.0	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	32.0	1,175	27.2	2.4	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	82.8	3,256	25.4	7.1	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
5	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
7	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
8	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
9	Banking Sector Outlook		x	Click
10	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
12	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
13	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
14	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
15	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
17	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
19	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
20	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
22	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
23	Fishery Outlook 2021		x	Click
24	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
25	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
26	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
27	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
28	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
29	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
30	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
32	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
33	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
34	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
35	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
36	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
37	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
38	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
39	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
40	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
VHC 2021Q2	25/5/21	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 47000 ; Giá tại Publish 39400 Định giá: Chúng tôi nâng khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu VHC với giá mục tiêu mới là 47,000 VND (+19.3% so với mức giá ngày 24/05/2021), cao hơn 20% so với giá mục tiêu cũ sau khi (i) kỳ vọng hoạt động kinh doanh hồi phục từ mức nền thấp (ii) tăng mức P/E mục tiêu từ 6.5 lên 9.
VGT 2021Q2	21/5/21	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 19040; Giá tại Publish 16800 Dự báo KQKD: BSC dự phóng doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ của VGT năm 2021 lần lượt đạt 15,900 tỷ (+13.8% YoY) và 436 tỷ (+33.0% YoY) Luận điểm đầu tư: (1) Doanh nghiệp đầu ngành dệt may với quỹ đất sử dụng lớn tại các trung tâm thành phố, (2) Triển vọng hoạt động kinh doanh phục hồi từ đáy khủng hoảng.
NLG 2021Q2	21/5/21	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 44600 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu và lợi nhuận năm 2021 của NLG lần lượt ước đạt 6,557 tỷ đồng (+190.2% YoY) và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ đạt 1,206 tỷ đồng (+44% YoY). EPS FW 2021 = 4,228 đồng. PE FW 2021 = 8.7 lần.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639